

**B**ài viết tập trung tổng quan các nghiên cứu trên thế giới về vai trò của ngân hàng xanh, mô hình ngân hàng xanh, kinh nghiệm xây dựng các mô hình ngân hàng xanh trên thế giới. Nhóm tác giả đã thực hiện điều tra đối với lãnh đạo các ngân hàng thương mại Việt Nam (NHTMVN) để đánh giá về thực tiễn hoạt động ngân hàng xanh. Kết quả điều tra cho thấy: (i) nhận thức về khái niệm ngân hàng xanh của các NHTMVN còn ở mức hạn chế; (ii) song, đa số các NHTM đánh giá cao lợi ích của ngân hàng xanh; (iii) thực tiễn thực hiện ngân hàng xanh của NHTMVN mới ở mức độ rất đơn giản so với thông lệ quốc tế; (iv) hầu hết các NHTM Việt Nam chưa xây dựng chiến lược phát triển ngân hàng xanh. Các tác giả cũng đề xuất một số điều kiện để xây dựng mô hình ngân hàng xanh nhằm gia tăng tác động lan tỏa của ngân hàng xanh trong nền kinh tế xanh.

## 1. Mở đầu

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bắt nguồn từ Mỹ năm 2008, nhiều hội nghị quốc tế đã được tổ chức để thảo luận về khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng môi trường toàn cầu. Kết quả thảo luận hướng đến việc khôi phục kinh tế cần phải gắn với phát triển bền vững. Tháng 12 năm 2012, đại diện của hơn 6.000 ngân hàng và các tổ chức

\* Khoa Tài chính - Ngân hàng,  
ĐH Kinh tế, ĐHQGHN  
\*\* ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

# ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN NGÂN HÀNG XANH Ở VIỆT NAM THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ

PGS., TS. Trần Thị Thanh Tú \*  
ThS. Trần Thị Hoàng Yến \*\*

tài chính quốc tế đã gặp mặt và thảo luận về vai trò của ngành Ngân hàng trong bối cảnh hồi phục nền kinh tế toàn cầu hiện nay.

Rất nhiều chuyên gia và nhà nghiên cứu đồng ý rằng khủng hoảng kinh tế toàn cầu một phần do hoạt động cho vay tràn lan thiếu kiểm soát của các ngân hàng. Các ngân hàng cũng bị lên án do đầu tư vào những ngành công nghiệp có hại cho môi trường (Chris Juhnke et al, 2012 & Bihari, S.2011). Bên cạnh đó, đây cũng là một ngành có thu nhập cao nên phải đối mặt với sự bất bình của dư luận trong bối cảnh thiếu công bằng trong phát triển kinh tế. Từ những nguyên nhân này, cần phải tăng cường luật lệ của các ngân hàng và các tổ chức tài chính, xây dựng cộng đồng ngân hàng phát triển một cách bền vững (Clark Schultz, 2011 & Don Goldstein, 2010).

Các nghiên cứu trên thế giới về ngân hàng xanh cũng đã chỉ ra xu thế tất yếu của việc phát triển mô hình ngân hàng xanh trong chiến lược tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất ngân hàng xanh dưới góc

độ cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng xanh (Kaeufer 2010, González et al., 2008) và tác động của việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng xanh đến hiệu quả hoạt động ngân hàng cũng như góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo tăng trưởng xanh và bền vững (Yang & Ahmed, 2009, Imeson M., và Sim A., 2010) hay khảo cứu một số kinh nghiệm của các nước về phát triển ngân hàng xanh như ở Bangladesh (Md. Mustafizur et al, 2013), Anh (Kaeufer, K. 2010), Trung Quốc (Yang, J et al, 2008), Ấn Độ (Pravakar Sahoo et al, 2008), Costa Rica (Don Goldstein, 2000).

Như vậy, có thể thấy một khoảng trống nghiên cứu lớn, cả về lý thuyết xây dựng cơ sở lý luận về ngân hàng xanh, từ chiến lược phát triển, mô hình hoạt động, tác động liên ngành, vai trò của ngân hàng xanh trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, cũng như những nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động ngân hàng xanh ở Việt nam hiện nay để có thể đưa ra những khuyến nghị xây dựng mô hình ngân hàng xanh ở Việt Nam theo chuẩn mực quốc tế.

**BIDV**



CHIA SẺ CƠ HỘI, HỢP TÁC THÀNH CÔNG

Chuyên mục này do Ngân hàng Thương mại cổ phần  
Đầu tư và Phát triển Việt Nam tài trợ

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ





Ngân hàng xanh có xu hướng cung cấp các khoản vay cho các dự án tiết kiệm năng lượng

Bài viết này được cấu trúc gồm 5 phần, ngoài phần mở đầu, phần tổng quan kinh nghiệm quốc tế về ngân hàng xanh được trình bày trong phần 2, trong phần 3, các tác giả tổng quan kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về mô hình ngân hàng xanh, phần 4 tập trung phân tích kết quả điều tra khảo sát về thực tiễn thực hiện ngân hàng xanh ở Việt Nam, và phần cuối cùng - kết luận và một số khuyến nghị nhằm xây dựng các điều kiện để thực hiện ngân hàng xanh ở Việt Nam theo thông lệ quốc tế.

## 2. Tổng quan nghiên cứu về về ngân hàng xanh và mô hình ngân hàng xanh

### 2.1. Định nghĩa về ngân hàng xanh

Về định nghĩa ngân hàng xanh, có 2 cách hiểu phổ biến. Thứ nhất, hiểu theo nghĩa rộng, “Ngân hàng xanh là chính là Ngân hàng bền vững” (Imeson M., và Sim A., 2010), trong đó nghiên cứu chỉ ra rằng một ngân hàng để phát triển bền vững thì các quyết định đầu tư cần nhìn vào bức tranh lớn và hành động một cách có lợi cho người tiêu dùng, kinh tế, xã hội và môi trường. Khi đó, có một mối quan hệ mật thiết giữa ngân hàng với các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường. Ngân hàng chỉ có thể

phát triển bền vững nếu đặt các lợi ích của ngân hàng gắn liền với các lợi ích của xã hội, môi trường.

*Cách hiểu thứ hai*, theo nghĩa hẹp, “Ngân hàng xanh” chỉ các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng khuyến khích các hoạt động vì môi trường và giảm phát thải cacbon, ví dụ như khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ xanh; áp dụng tiêu chuẩn môi trường khi duyệt vốn vay hay cấp tín dụng ưu đãi cho dự án giảm CO<sub>2</sub>, năng lượng tái tạo,... (UN ESCAP, 2012). Như vậy, một ngân hàng khi cung cấp các dịch vụ có gắn với các cam kết về môi trường hoặc đầu tư cho vay sản xuất xanh, sạch.

Tại nhiều nước trên thế giới, Ngân hàng xanh là một khái niệm mới được biết đến trong những năm gần đây, đặc biệt đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, bởi lẽ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đang bị đánh đổi để đạt được mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải nhìn nhận lại cách thức tổ chức và các mô hình hoạt động trong hệ thống tài chính của mình, bao gồm các ngân hàng. Các vấn đề về phát triển bền vững, trách nhiệm kinh

doanh và trách nhiệm xã hội, đạo đức, môi trường đều được xem xét lại dưới một tầm quan trọng cao hơn. Tại đây, ngân hàng xanh nổi lên như một hình mẫu cho ngân hàng trong tương lai, là nền tảng cho việc hướng đến một nền kinh tế xanh phát triển bền vững.

Chính vì vậy, Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và 9 ngân hàng quốc tế họp ở London để bàn về trách nhiệm của các ngân hàng đối với tài chính phát triển và quyết định xây dựng một bộ tiêu chuẩn thực hiện trách nhiệm đối với môi trường, xã hội dựa trên các bộ tiêu chuẩn đã có của IFC. Nguyên tắc Xích đạo (EPFIs) về tài trợ dự án được chính thức ra đời năm 2003 và đến nay đã có 77 tổ chức tài chính tham gia cam kết. Bộ tiêu chuẩn này đóng vai trò quan trọng trong việc phân loại và xếp hạng các ngân hàng xanh hiện nay. Một ngân hàng được coi là ngân hàng xanh khi thỏa mãn các tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội (23 tiêu chuẩn), trách nhiệm môi trường (47 tiêu chuẩn) (EPFI, 2003).

Theo SOGESID (2012) Ngân hàng xanh là ngân hàng hoạt động như một ngân hàng truyền thống và cung cấp các dịch vụ vượt trội cho nhà đầu tư và



khách hàng, đồng thời thực thi các chương trình giúp ích cho cộng đồng và môi trường. Những ngân hàng xanh không phải là một doanh nghiệp hoạt động thuần túy vì trách nhiệm xã hội (CSR), cũng không hoàn toàn là doanh nghiệp thuần túy vì lợi nhuận; chúng là sự kết hợp mới đảm bảo sự hài hòa và bền vững về cả kinh tế - môi trường - xã hội.

Tóm lại, trong bài viết này, khái niệm ngân hàng xanh được hiểu là một **ngân hàng xây dựng được một chiến lược kinh doanh bền vững, thể hiện ở việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng thỏa mãn các tiêu chí đảm bảo trách nhiệm với môi trường và xã hội**. Như vậy, một ngân hàng được coi là “xanh” khi thỏa mãn cả 2 điều kiện: (i) về ngắn hạn, cung cấp các dịch vụ xanh, (ii) về dài hạn, có một chiến lược kinh doanh dài hạn đáp ứng các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội và cả tiêu chuẩn về đảm bảo môi trường. Tuy nhiên, khái niệm trên có thể được vận dụng ở các mô hình khác nhau, trong các điều kiện kinh tế - xã hội của các quốc gia khác nhau, để đưa ra các cấp độ khác nhau của mô hình ngân hàng xanh, từ đó, đánh giá mức độ tác động của ngân hàng xanh đến nền kinh tế sẽ khác nhau.

## 2.2. Mô hình ngân hàng xanh

Trong một nghiên cứu về mô hình ngân hàng xanh và trách nhiệm xã hội, Kaeufer (2010) đã đưa ra mô hình ngân hàng xanh 5 cấp độ, cụ thể là **Cấp độ 1**: Thực hiện các hoạt động phụ, bằng cách tài trợ cho các sự kiện “xanh” và tham gia các hoạt động công cộng (hầu hết các ngân hàng đều đang ở cấp độ này); **Cấp độ 2**: Tách bạch phát triển dự án và hoạt động kinh

doanh, trong đó, ngân hàng phát triển thêm các sản phẩm và dịch vụ xanh riêng biệt (chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ) bổ sung vào danh mục các sản phẩm ngân hàng truyền thống; **Cấp độ 3**: Hoạt động kinh doanh có hệ thống, trong đó, hầu hết các quy trình, sản phẩm của ngân hàng đều tuân thủ nguyên tắc “xanh”, cơ cấu tổ chức của ngân hàng được thiết kế để hỗ trợ tác động “xanh” ở trên 4 giác độ: con người, quy trình, nguyên tắc và mục đích; **Cấp độ 4**: Sáng kiến cân bằng hệ sinh thái tầm chiến lược, khi đó, hoạt động ngân hàng xanh không chỉ giới hạn ở phạm vi các nghiệp vụ đơn lẻ mà được mở rộng thành mạng lưới, liên minh, đối thoại cộng đồng, hay toàn hệ sinh thái nhằm đạt được tính bền vững của các yếu tố xã hội - môi trường và tài chính và **Cấp độ 5**: Sáng kiến cân bằng hệ sinh thái chủ động, trong đó, các hoạt động ngân hàng xanh tương tự như cấp độ 4 song được thực hiện một cách chủ động, có mục đích, chứ không phải là hoạt động ứng phó sự thay đổi bên ngoài như sáng kiến tầm chiến lược ở cấp độ 4.

Các hoạt động ngân hàng xanh rất rộng, bao gồm từ việc tiết kiệm giấy sử dụng của ngân hàng và khách hàng, áp dụng ngân hàng trực tuyến (online bankings), giảm số lượng các chi nhánh, văn phòng cho đến việc áp dụng tiêu chuẩn môi trường khi duyệt vốn vay hay cấp tín dụng ưu đãi cho dự án giảm CO<sub>2</sub>, dự án về năng lượng tái tạo... (Kaeufer, K., 2010). Như vậy, ngân hàng xanh không chỉ có tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực tài chính mà còn tác động đến các ngành khác như môi trường, xã hội, giáo dục - việc làm, công nghệ thông tin,... khi

ngân hàng cung cấp các dịch vụ cho vay gắn với các điều kiện đảm bảo môi trường trong các ngành này, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng “xanh”.

## 2.3. Các lợi ích của ngân hàng xanh

Một “Ngân hàng xanh” có tầm ảnh hưởng rộng rãi đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống, đảm bảo phát triển bền vững cả ba yếu tố kinh tế - môi trường - xã hội và có thể đem lại các lợi ích sau: (Greenbank Report, 2010)

### Ngân hàng trực tuyến, giúp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên

Thanh toán hóa đơn trực tuyến, chuyển khoản trực tuyến, quản lý tài khoản trực tuyến, nhận các báo cáo về tài khoản qua Internet, mua bán các chứng chỉ tiền gửi... chỉ là một trong những cách mà một ngân hàng trực tuyến có thể giúp giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ, giảm thời gian và công sức đi lại, tiết kiệm các nguồn lực tự nhiên bị tiêu tốn qua các hoạt động ngân hàng. Khách hàng có thể tiết kiệm tiền bạc từ việc sử dụng các dịch vụ ngân hàng thông qua email, tin nhắn hoặc các trang điện tử. Thậm chí khách hàng có thể chuyển tiền trực tiếp từ cá nhân - đến cá nhân (P2P). Các ngân hàng có thể tiết kiệm chi phí từ việc giảm giấy tờ, giảm văn phòng và chi nhánh, xây dựng các tòa nhà tiết kiệm năng lượng hơn; giảm các thủ tục phức tạp và tập trung nhân lực cho các phần quan trọng hơn.

### Dùng tài khoản thanh toán xanh

Mở một tài khoản thanh toán xanh giúp bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng nhiều dịch vụ ngân hàng trực tuyến hơn (Ví dụ như thanh toán hóa đơn, thẻ tín



dụng, sao kê tài khoản, sử dụng ATM miễn phí, bảo mật bằng tin nhắn...). Các tài khoản thanh toán xanh nên được hưởng mức lãi suất cao và linh hoạt hơn nếu đáp ứng yêu cầu nhất định hàng tháng, bởi các ngân hàng có thể giảm thiểu các chi phí của mình từ việc khách hàng sử dụng dịch vụ xanh.

Các tài khoản thanh toán xanh sẽ bao gồm dịch vụ về ngân hàng di động (Mobile Banking). Khả năng kiểm tra số dư tài khoản bất cứ lúc nào, chuyển khoản hoặc trả hóa đơn tại bất kỳ đâu là ưu thế vượt trội của một ngân hàng xanh. Ngân hàng di động có một hệ thống bảo mật tốt hơn so với cách thức thông thường. Việc sử dụng di động vào lĩnh vực ngân hàng đã biến các công ty điện thoại, công ty viễn thông trở thành một bộ phận trong hệ thống tài chính, không chỉ giúp bảo mật thông tin mà còn góp phần trong quá trình truyền tải dữ liệu. Như vậy, ngân hàng xanh đã kéo theo các công ty về công nghệ thông tin vào hoạt động của mình, góp phần đáng kể vào hoạt động kinh doanh và thu hút nhân lực của các lĩnh vực đó.

**Hỗ trợ các dự án đảm bảo môi trường hoặc giúp ích cộng đồng**

Ngân hàng xanh có xu hướng cung cấp các khoản vay cho các dự án tiết kiệm năng lượng, nó không chỉ hoạt động vì mục đích lợi nhuận mà còn hoạt động vì sự phát triển bền vững trong tương lai, vì vậy, ngân hàng xanh luôn quan tâm đến các dự án mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng.

Một ngân hàng địa phương có tính xanh sẽ là nguồn hỗ trợ lớn cho các sáng kiến xanh tại địa phương về xã hội, giáo dục, nhà ở..., tạo ra lợi ích trực tiếp cho

cộng đồng ở chính địa phương đó. Ngân hàng gắn với địa phương là một mô hình tốt cho nhiều vùng miền, nhất là những nơi kinh tế kém sôi động hơn các khu vực khác.

**Tạo ra các tác động liên ngành**

Thông qua việc thẩm định dự án và cấp tín dụng một cách hiệu quả, các ngân hàng xanh sẽ tác động đến các doanh nghiệp trong nhiều ngành nghề khác nhau, gián tiếp tác động đến tình hình chung của lĩnh vực đó. Mặt khác, ngân hàng xanh đòi hỏi trình độ công nghệ cao để phục vụ cho các hoạt động dịch vụ trực tuyến. Các công nghệ dùng trong ngân hàng có thể được nhập khẩu, chuyển giao hoặc tự tạo ra. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghệ thông tin trong nước; tăng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao trong ngành công nghệ phần mềm, giúp giải quyết các vấn đề về thất nghiệp và việc làm.

Một khi ngân hàng xanh trở thành mô hình phổ biến, các chuẩn mực trong kinh doanh cũng như trách nhiệm cộng đồng của các ngân hàng, các tổ chức và doanh nghiệp sẽ cao hơn và phát huy được hiệu quả. Cộng đồng sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn từ những hoạt động kinh doanh có đạo đức.

Việc áp dụng mô hình ngân hàng xanh cũng góp phần tạo nên văn hóa trong việc sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng. Khi việc sử dụng dịch vụ ngân hàng trở nên thuận tiện hơn, nhanh chóng, đỡ tốn kém và nhiều ưu đãi hơn (thông qua ngân hàng trực tuyến, các tài khoản xanh và thẻ tín dụng xanh...) thì người tiêu dùng sẽ có xu hướng sử dụng dịch vụ ngân hàng ngày càng nhiều.

Điều này sẽ tạo ra ý thức xã hội trong việc sử dụng dịch vụ ngân hàng và trong tương lai sẽ tạo ra một xã hội nơi mà các dịch vụ tài chính - ngân hàng trở thành một phần quen thuộc của cuộc sống thường nhật.

**3. Kinh nghiệm thế giới về hoạt động ngân hàng xanh**

Tổng quan các nghiên cứu trên thế giới về mô hình ngân hàng xanh thành công được chia thành 2 nhóm chính: (i) mô hình ngân hàng xanh ở các nước phát triển và (ii) mô hình ngân hàng xanh ở các nước đang phát triển. Việc khảo cứu các kinh nghiệm thành công này sẽ giúp xác định tính đặc thù của mô hình này ở từng nước, đồng thời, trên cơ sở khái quát hóa, sẽ xác định tính phổ biến, khả năng nhân rộng mô hình ngân hàng xanh ở các quốc gia trên thế giới và ứng dụng ở Việt Nam.

**Hoa Kỳ**

Một ví dụ điển hình của ngân hàng xanh là tại Hoa Kỳ. Trong bối cảnh khó khăn vừa qua, khi mà các ngân hàng tại Hoa Kỳ áp dụng mức thu phí cao và tạo ra nhiều khoản nợ xấu thì một loại hình ngân hàng mới đang nổi lên. Đó là các ngân hàng có lương tâm xã hội áp dụng nguyên tắc phát triển bền vững và trách nhiệm đối với mô hình kinh doanh và các sản phẩm của mình. Một hình mẫu tuyệt vời của làn sóng mới của ngân hàng xanh là sự ra mắt của GreenChoice Bank trong khu vực Chicago; Green Bank tại Dallas...<sup>[4]</sup>. Hoa Kỳ cũng xây dựng những bộ tiêu chuẩn nhằm đánh giá, xếp hạng mức độ “xanh” của các ngân hàng, được công bố thường kỳ bởi Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ (FDIC). Hoa Kỳ cũng





là quốc gia đầu tiên quy định về trách nhiệm đối với môi trường của các bên liên quan, trong đó ngân hàng cho vay vốn tại Hoa Kỳ phải chịu sự điều chỉnh của Đạo luật Bồi hoàn Môi trường Toàn diện (CERCLA) năm 1980.

Trong một nghiên cứu về vai trò tiềm năng của ngân hàng xanh ở bang California, Juhnke C., và các cộng sự (2012) đã đánh giá tác động tiềm năng của một Green Bank trong hiệu quả về năng lượng và hệ phân tán, dựa trên 6 tiêu chí: (1) số lượng dự án bổ sung được tài trợ; (2) hiệu quả chi phí của ngân hàng; (3) lợi ích tăng thêm được cung cấp bởi ngân hàng; (4) tính khả thi quản lý của ngân hàng; (5) sự dễ dàng tích hợp với các chương trình hiện có của chính phủ, và (6) tính khả thi về mặt chính trị. Qua đó, nghiên cứu đã chứng minh sự có mặt của Green Bank đã giúp tăng dòng chảy của chi phí vốn cạnh tranh hiệu quả, từ đó giúp nhà nước đạt được mục tiêu năng lượng sạch và giúp giảm bớt rất nhiều vấn đề hiện đang gây rắc rối cho thị trường này.

#### **Anh**

Nghiên cứu về Ngân hàng đầu tư xanh (Green Investment Bank) của Vivid Economics và McKinsey (2011) đã nhấn mạnh vai trò của GIB - ngân hàng đầu tư xanh được thành lập năm 2010 theo thoả thuận liên minh của chính phủ Anh là hoàn thiện khung chính sách và có những hỗ trợ tài chính cần thiết để giải quyết những thất bại của thị trường tự do, lo ngại rủi ro, chi phí giao dịch cao và thiếu vốn. Cũng theo nghiên cứu này, GIB có thể giúp mở rộng các nhà đầu tư tiềm năng, cải thiện hiệu quả kinh tế của các dự án

và chia sẻ thông tin để giảm rủi ro, cụ thể, các bằng chứng về sự thất bại của thị trường và cơ hội can thiệp của GIB như sau: (1) Năng lượng gió biển: GIB giúp làm tăng các nhà đầu tư mới, hỗ trợ tài chính để qua đó làm tăng nguồn điện tái tạo cũng như giảm lượng khí carbon ra môi trường; (2) Sử dụng nguồn năng lượng bên ngoài UK cũng là một lựa chọn hiệu quả để giảm lượng khí thải carbon trong lãnh thổ UK, củng cố an toàn năng lượng và cạnh tranh dài hạn của các ngành công nghiệp, đồng thời, GIB còn trợ giúp việc huy động vốn tài trợ cho các dự án và làm giảm khí thải carbon ra môi trường; (3) GIB cũng hỗ trợ cho ngành công nghiệp xử lý rác thải để giảm thiểu việc chôn rác dưới đất, tạo ra năng lượng nhiệt tái tạo và giảm khí thải carbon.

Các phân tích của Vivid Economics và McKinsey (2011) cho thấy trong cả ba trường hợp trên, sự can thiệp của GIB là hiệu quả và công bằng hơn, bổ sung cho chính sách hiện hành. Sự can thiệp của GIB giúp cho việc huy động các nguồn vốn từ thị trường vốn chủ sở hữu và thị trường nợ, tạo điều kiện cho việc định giá rủi ro trên thị trường tài chính thông qua việc nâng cao tính minh bạch và khơi thông dòng đầu tư vào những dự án phát triển bền vững.

#### **Ấn Độ**

Tại Ấn Độ, việc áp dụng các chương trình xanh vì môi trường và cộng đồng đã được triển khai được hơn 2 thập kỷ, chủ yếu là các chương trình vay vốn cho phụ nữ, cấp tín dụng cho các dự án phát triển kinh tế địa phương... Từ tháng 7/2010, Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ (SBI) đã thực thi chương trình “Quầy kênh xanh (Green

channel counters - GCC)” và “Ngân hàng không xếp hàng” tại hơn 5.000 chi nhánh trên khắp Ấn Độ, như một bước đổi mới theo hướng “ngân hàng xanh” không cần giấy tờ cho các giao dịch gửi, rút và chuyển tiền, thanh toán trong và ngoài nước (Pravakar Sahoo et al, 2008)

Nghiên cứu “Ngân hàng xanh ở Ấn Độ” của Nayak P., (2008) đã chứng minh tầm quan trọng của ngân hàng xanh, đồng thời khuyến nghị những phương pháp và sáng kiến chính trị có tính khả thi để thúc đẩy phát triển ngân hàng xanh ở Ấn Độ.

#### **Trung Quốc**

Trung Quốc cũng đã thực thi chương trình “Chính sách Tín dụng xanh” từ năm 2007, nhằm khuyến khích các ngân hàng Trung Quốc thực hiện cấp tín dụng cho các dự án ít gây ô nhiễm, thân thiện với môi trường hay sử dụng năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, Trung Quốc đã mất gần 5 năm kể từ khi ban hành chính sách cho đến khi xây dựng được hướng dẫn chi tiết để thực hiện chính sách này (tháng 02/2012) và việc thực thi chưa đạt được hiệu quả như mong muốn do thiếu hệ thống đánh giá tin cậy về ô nhiễm môi trường để giúp các ngân hàng phân loại dự án cấp vốn (Zang, B. et al, 2011).

#### **Bangladesh**

Nghiên cứu của Maruf (2010) cho thấy ở Bangladesh chỉ có ngân hàng đại chúng và ngân hàng nước ngoài là có hướng dẫn hoạt động đối với ngân hàng xanh và có tài trợ một số dự án thân thiện với môi trường. Các NHTM được khuyến khích tài trợ các nhà máy xử lý nước thải ở các khu công nghiệp, dự án sử dụng năng lượng mặt trời, khí ga sinh học... Nghiên cứu này cũng



đưa ra các khuyến nghị là các hoạt động ngân hàng xanh tại Bangladesh cần được xúc tác và hỗ trợ bởi các khoản đầu tư và chi tiêu công, đồng thời cải tiến các chính sách và các quy định của chính phủ.

Rahman (2013) trong một nghiên cứu về triển vọng ngân hàng xanh ở Bangladesh đã chỉ ra những thay đổi trong quản trị đầu tư, quản trị tiền gửi, tuyển dụng, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và nâng cao ý thức cộng đồng là các yếu tố nền tảng cho sự phát triển của ngân hàng xanh ở quốc gia này. Ngân hàng Trung ương đã ban hành các thông tư hướng dẫn, trên cơ sở đó, các ngân hàng thương mại đã xây dựng các sổ tay hướng dẫn và chính sách riêng của từng ngân hàng để thực hiện các chiến lược và kế hoạch trên.

Như vậy, từ các nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn hoạt động của các quốc gia trong lĩnh vực tài chính hay ngân hàng xanh cho thấy, cần thiết phải có sự can thiệp có chủ ý hay các hình thức hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm khuyến khích dòng chảy tín dụng vào các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường, khai thác tài nguyên. Về mặt bản chất, những chi phí mà chính phủ bỏ ra là sự đầu tư cho tương lai hay cho phát triển

bền vững. Đó là sự đầu tư khôn ngoan nhưng phải kiên trì trong dài hạn và vai trò điều tiết của chính phủ là không thể thiếu để tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự tham gia của cộng đồng xã hội hay nói cách khác là xã hội hóa các dịch vụ tài chính và ngân hàng xanh. Mặc dù đây là một lĩnh vực khá mới nhưng đã có một số nghiên cứu có giá trị từ các góc độ khác nhau. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở khoa học quan trọng cho việc đưa ra mô hình ngân hàng xanh phù hợp với điều kiện trong nước nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của Việt Nam.

## 4. Thực hiện ngân hàng xanh ở Việt Nam

### 4.1. Mô tả khảo sát

Để xem xét thực trạng thực hiện ngân hàng xanh của các NHTMVN, nhóm nghiên cứu đã gửi bảng hỏi đến lãnh đạo các NHTMVN từ cấp trưởng, phó phòng cấp chi nhánh trở lên. Tổng số mẫu thu về là 151 phiếu từ 32 ngân hàng trong đó gồm: (i) nhóm NHTM nhà nước: 2/4 ngân hàng; (ii) nhóm NHTMCP trong nước: 30/31 ngân hàng. Chi tiết đối tượng trả lời phiếu khảo sát - Bảng 1, thể hiện đối tượng cung cấp thông tin là những người có liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng xanh, từ cấp lãnh đạo cấp cao

- hoạch định chiến lược ngân hàng, đến cán bộ quản lý - thực hiện chiến lược và kế hoạch kinh doanh của ngân hàng. Đa số người được hỏi đều có kinh nghiệm làm việc trong ngân hàng từ 5-7 năm (chiếm 83%), còn lại 27% người được hỏi cũng có ít nhất 3 năm làm việc trong ngân hàng, có hiểu biết tương đối đầy đủ về chiến lược, hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Mô tả người được hỏi cho thấy nguồn cung cấp thông tin là phù hợp và khách quan cho nghiên cứu về xây dựng mô hình ngân hàng xanh ở Việt Nam. (Bảng 1)

### 4.2. Thực tiễn thực hiện ngân hàng xanh của các NHTM Việt Nam

Nhóm nghiên cứu đã đánh giá thực trạng thực hiện ngân hàng xanh của các NHTM Việt Nam trên các khía cạnh: (i) nhận thức của lãnh đạo ngân hàng về ngân hàng xanh; (ii) vai trò của ngân hàng xanh; (iii) rào cản khi thực hiện ngân hàng xanh; và (iv) đánh giá mức độ thực hiện ngân hàng xanh theo thông lệ quốc tế của các NHTMVN.

#### Nhận thức của lãnh đạo ngân hàng về ngân hàng xanh

Nhóm tác giả đã dựa vào mô hình ngân hàng xanh 5 cấp độ của Kaeufer (2010) để đánh giá về hiểu biết, nhận thức của lãnh đạo ngân hàng về ngân hàng xanh. Trong đó, **Cấp độ 1:** cung cấp một số hoạt động phụ có tính chất xanh - internet banking, mobile banking, hoặc hoạt động công cộng xanh - tài trợ cộng đồng (hầu hết các ngân hàng đều đang ở cấp độ này); **Cấp độ 2:** Tách bạch phát triển dự án và hoạt động kinh doanh, trong đó, ngân hàng phát triển thêm các sản phẩm và dịch vụ xanh riêng biệt (chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ) bổ sung vào danh mục

Bảng 1: Đối tượng trả lời phiếu khảo sát

Chức danh		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Thành viên HĐQT	3	2.0	2.0	2.0
	Thành viên BDH	4	2.6	2.6	4.6
	Giám đốc các Khối/Ban Hội sở	7	4.6	4.6	9.3
	Trưởng/Phó phòng Hội sở	40	26.5	26.5	35.8
	GD/PGĐ chi nhánh/ Công ty trực thuộc/ trung tâm/ ban	17	11.3	11.3	47.0
	Trưởng/phó phòng ban chi nhánh/ công ty trực thuộc/ trung tâm/ ban	41	27.2	27.2	74.2
	Khác	39	25.8	25.8	100.0
	Total	151	100.0	100.0	

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả, 2015



Bảng 2: Nhận thức của lãnh đạo NH về ngân hàng xanh

	NT1	NT2	NT3	NT4	NT5
N Valid	151	150	147	150	150
Missing	0	1	4	1	1
Percentage Cum.	63	23	6	4	4
Mean	4.35	4.09	3.32	3.59	3.63
Std. Deviation	.624	.669	.979	.813	.901
Minimum	2	2	1	1	1
Maximum	5	5	5	5	5

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả, 2015

các sản phẩm ngân hàng truyền thống; **Cấp độ 3:** Hoạt động kinh doanh có hệ thống, trong đó, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tuân thủ nguyên tắc “xanh”; **Cấp độ 4:** có kế hoạch kinh doanh ngắn hạn nhằm đạt được tính bền vững của các yếu tố xã hội - môi trường và tài chính, và **Cấp độ 5:** có chiến lược kinh doanh dài hạn, trong đó, các hoạt động ngân hàng xanh tương tự như cấp độ 4 song được thực hiện một cách chủ động, có mục đích, chứ không phải là hoạt động ứng phó sự thay đổi bên ngoài như sáng kiến tầm chiến lược ở cấp độ 4.

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số người được hỏi (63%) đều hiểu một cách rất đơn giản về khái niệm ngân hàng xanh - ở cấp độ 1, là ngân hàng cung cấp các dịch vụ tiết kiệm nguồn tài nguyên như internet banking, sms banking, mobile banking hay các chương trình tài trợ cho cộng đồng mang tính chất bảo vệ môi trường. Thực tế khảo sát tất cả các NHTM Việt Nam đã cung cấp các dịch vụ tiện ích qua internet nhằm gia tăng tiện ích cho khách hàng, đồng thời tiết kiệm giảm thải ra môi trường. Một số ngân hàng đã quan tâm tốt đến các hoạt động tài trợ cộng đồng cho các hoạt động bảo vệ môi trường như BIDV, Vietinbank, LienVietPostBank.

Ở cấp độ ngân hàng xanh mức 2, khi các ngân hàng đã tách bạch các hoạt động kinh doanh xanh riêng biệt, bên cạnh hoạt

động thông thường, có khoảng 23% người được hỏi đồng tình. Còn lại, ít người được hỏi hiểu một cách đầy đủ về khái niệm ngân hàng xanh ở mức 3,4,5 - là các mô hình ngân hàng xanh mang tính kế hoạch, chiến lược một cách chủ động của các ngân hàng. (Bảng 2)

**Vai trò của ngân hàng xanh**

**Để đánh giá vai trò của NHX ở các giác độ khác nhau trong nền kinh tế, nhóm nghiên cứu đã đưa ra các gợi ý về vai trò của NHX:** (i) Ngân hàng xanh đóng góp tích cực cho sự phát triển cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường; (ii) Ngân hàng xanh giúp tránh được rủi ro về môi trường và xã hội mà nhiều quốc gia gặp phải do quá chú trọng về phát triển kinh tế mà coi nhẹ vấn đề môi trường; (iii) Ngân hàng xanh là cơ hội để các tổ chức tài chính xanh quốc tế đầu tư vốn vào Việt Nam; (iv) Ngân hàng xanh giúp nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và các cá nhân trong nền kinh tế về đầu tư xanh trong phát triển bền vững; (v) Ngân hàng xanh giúp nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và các cá nhân trong nền kinh tế về đầu tư xanh trong phát triển bền vững; (vi) Ngân hàng xanh giúp định hướng dòng vốn đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường; (vii) Ngân hàng xanh giúp giảm rủi ro cấp phát tín dụng cho các dự án ảnh hưởng tới môi trường; (viii) Ngân hàng xanh giúp tái cấu trúc nền kinh tế, và Ngân hàng

xanh sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết người được hỏi đều đồng tình các vai trò, tác động của ngân hàng xanh đến nền kinh tế ở các tác động tích cực đến các đối tượng, từ khách hàng, người dân, cộng đồng và chính ngân hàng cung cấp dịch vụ ngân hàng xanh. Trong đó, mức độ đồng tình cao nhất (4,43/5) đối với ý kiến VT 2 cho rằng ngân hàng xanh có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các rủi ro về môi trường mà các quốc gia đang phát triển phải đối mặt. Với vai trò tái cấu trúc nền kinh tế, mức độ đồng tình là thấp nhất (3,47/5) khi cho rằng ngân hàng xanh có thể tác động đến tái cơ cấu các ngành kinh tế thông qua ưu tiên phát triển các ngành giảm thiểu ô nhiễm môi trường, qua đó tái cấu trúc nền kinh tế từ mô hình nền kinh tế “nâu” sang nền kinh tế “xanh”. (Bảng 3)

**Khó khăn khi cung cấp tín dụng xanh ở Việt Nam**

Được đánh giá trên cả 3 giác độ tham gia vào quá trình cấp tín dụng - từ phía ngân hàng, từ phía khách hàng và từ phía cơ quan quản lý nhà nước: (i) Năng lực cạnh tranh của ngân hàng trong ngắn hạn; (ii) Quá trình khai thác các thế mạnh tiềm năng của ngân hàng; (iii) Chi phí đầu tư, lợi nhuận ngân hàng; (iv) Giá thành các dự án thân thiện với môi trường, thời gian thu hồi vốn; (v) Sự phức tạp về kỹ thuật và công nghệ đánh giá tín dụng xanh; (vi) Năng lực nhân viên ngân hàng về đánh giá rủi ro về môi trường xã hội; (vii) Nhu cầu của khách hàng đối với tín dụng xanh; (viii) **Hướng dẫn chi tiết về quy trình thẩm định tín dụng xanh;** (vix) Quy định, chính sách về cấp tín dụng xanh.



Bảng 3: Vai trò của ngân hàng xanh

		VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT6	VT7	VT8
N	Valid	145	150	149	149	149	151	150	150
	Missing	6	1	2	2	2	0	1	1
Mean		3.86	4.43	4.11	3.85	4.17	4.19	3.47	3.97
Std. Deviation		.796	.535	.689	.766	.662	.743	1.041	.670
Minimum		1	3	1	2	2	2	1	2
Maximum		5	5	5	5	5	5	5	5

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả, 2015

Bảng 4: Khó khăn khi thực hiện ngân hàng xanh

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
KK1	144	1	5	3.71	.747
KK2	143	1	5	3.66	.965
KK3	142	1	5	3.80	.786
KK4	144	1	5	3.83	.710
KK5	143	1	5	4.03	.696
KK6	144	1	5	4.11	.749
KK7	141	1	5	4.63	.760
KK8	141	1	5	3.45	.898
Valid N (listwise)	90				

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả, 2015

Kết quả khảo sát cho thấy, 70% người được hỏi đều đồng tình với các khó khăn khi thực hiện ngân hàng xanh ở Việt Nam. Trong đó, 3 khó khăn: Năng lực nhân viên ngân hàng để đánh giá rủi ro về môi trường xã hội chưa cao. Nhu cầu của khách hàng đối với tín dụng xanh còn ít, chưa có hướng dẫn chi tiết về quy trình thẩm định tín dụng xanh. Điều này cho thấy các NHTMVN chưa thực sự sẵn sàng cung cấp các dịch vụ ngân hàng xanh, mặc dù họ đã nhận thức được vai trò của ngân hàng xanh, do đòi hỏi về năng lực nhân viên ngân hàng trong việc cung cấp dịch vụ tài chính, tín dụng xanh là còn thấp. Một khó khăn nữa là nhu cầu từ phía khách hàng của ngân hàng, là những người vay vốn. Do bản thân các dự án đầu tư vào ngành sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường đòi hỏi chi phí đầu tư cao và thời gian thu hồi vốn dài, do vậy, các doanh nghiệp cũng chưa thấy “mặn mà” lắm với các khoản vay có các cam kết hay điều kiện về đảm bảo môi trường. Về phía cơ quan quản lý nhà nước, người được

hỏi cũng cho rằng việc chưa có đầy đủ các văn bản hướng dẫn về thủ tục cho vay, chính sách cho vay gắn với tín dụng xanh cũng là nguyên nhân chưa thực sự khuyến khích các NHTM cung cấp các dịch vụ tài chính xanh. (Bảng 4)

**Mức độ thực hiện ngân hàng xanh của các NHTMVN theo thông lệ quốc tế - theo 5 cấp độ**

Qua điều tra khảo sát, có thể thấy, nhìn chung so với thông lệ quốc tế, mức độ thực hiện ngân hàng xanh của các NHTMVN mới đang chỉ ở mức trung bình, trong thang đo 5 cấp độ ngân hàng xanh của Kaeufer (2010). Nghĩa là các NHTMVN mới cung cấp các dịch vụ ngân hàng xanh còn ở mức độ đơn giản - tiết kiệm tài nguyên như internet banking, mobile banking, hay các dịch vụ chuyển tiền, ATM... Một số ngân hàng đã bước đầu thực hiện các chiến lược trụ sở ngân hàng xanh - green office, như Sacombank, LienVietPostBank, nhằm tiết kiệm tối đa các nguồn tài nguyên điện, giấy, sử dụng vật liệu xanh khi xây dựng trụ sở. Một số ngân hàng đã nhận

thức và tham gia tích cực vào các hoạt động tài trợ liên quan đến môi trường, song chưa được thực hiện một cách bài bản và có chiến lược dài hạn. Một số ngân hàng đã cung cấp các dịch vụ tín dụng gắn với các điều kiện thẩm định tín dụng đảm bảo các cam kết về môi trường. Song, hầu hết các khoản tín dụng xanh này đều gắn với nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế, các ngân hàng tham gia dự án buộc khách hàng phải tuân thủ các cam kết về môi trường mới được vay vốn, mà không phải được xây dựng một cách chủ động của các ngân hàng.

Ở mức độ cao nhất của ngân hàng xanh là 4 và 5, kết quả khảo sát ghi nhận ý kiến đồng tình tại các NHTM VN là thấp. Rất ít các NHTMVN xây dựng được chiến lược ngân hàng xanh. (Bảng 5)

Từ kết quả khảo sát hơn 150 cán bộ, lãnh đạo của 32 NHTM VN, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số điều kiện để xây dựng mô hình ngân hàng xanh ở Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế.

**5. Đề xuất các điều kiện xây dựng mô hình ngân hàng xanh ở Việt Nam**

Trong giai đoạn nền kinh tế chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phù hợp với chiến lược tăng trưởng xanh, việc phát triển mô hình ngân hàng xanh là tất yếu. Rõ ràng, những lợi ích và tác động lan tỏa của ngân hàng xanh đến nền kinh tế đã được chứng minh qua các nghiên cứu. Từ kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp ban đầu nhằm tạo dựng tiền đề để xây dựng mô hình ngân hàng xanh ở Việt Nam.



Chính vì thế, có vẻ như không thể coi tranh chấp đòi nợ gốc là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu để hưởng việc không bị hạn chế về thời hiệu khởi kiện.

Tuy việc giới hạn thời hiệu khởi kiện đòi nợ gốc không phải là cách tiếp cận mang tính cá biệt của pháp luật Việt Nam song nếu xét một cách tổng thể, thời hiệu 3 năm cho việc khởi kiện đòi nợ gốc và lãi đối với một khoản vay là tương đối ngắn và chưa thực sự phù hợp, bởi vì sau khi bên vay vi phạm nghĩa vụ hoàn trả, (i) ngân hàng có thể xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, (ii) sử dụng một số cách thức khác để đòi nợ trước khi tính đến việc khởi kiện và (iii) trong trường hợp tài trợ dự án, thường phải chờ cho đến khi dự án phát sinh nguồn thu hay tài sản thuộc dự án được hình thành để khởi kiện đòi nợ (và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nếu có) nếu đó là các tài sản duy nhất của bên vay...

Pháp luật của một số nước phát triển quy định thời hiệu dài hơn và có sự phân biệt rõ thời hiệu khởi kiện đối với nợ gốc, lãi và khoản vay có bảo đảm. Chẳng hạn, theo quy định của pháp luật Anh, nếu hợp đồng vay được lập dưới dạng văn bản chính thống (deed, có tính chất trang trọng như văn bản công chứng theo pháp luật Việt Nam), thời hiệu khởi kiện sẽ là 12 năm trong khi thời hiệu này chỉ là 6 năm nếu hợp đồng vay được lập dưới dạng văn bản thông thường (simple contract). Đối với khoản vay có bảo đảm, thời hiệu khởi kiện đòi nợ gốc là 12 năm trong khi ngân hàng chỉ có thể khởi kiện trong thời hạn 6 năm đối với dư nợ lãi. Thời điểm bắt đầu tính thời hiệu là từ ngày phát sinh quyền nhận số tiền liên quan. Theo đó, nếu hợp đồng vay quy định một thời điểm hoàn trả khoản vay thì thời

hiệu sẽ bắt đầu được tính từ thời điểm này; nếu hợp đồng vay quy định rằng, việc xảy ra hay không xảy ra một sự kiện nhất định làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày xảy ra hay không xảy ra sự kiện đó. Nếu hợp đồng vay quy định rằng, yêu cầu hoàn trả từ phía bên cho vay là điều kiện tiên quyết cho quyền được hoàn trả của bên cho vay thì thời hiệu khởi kiện sẽ không được tính cho tới khi yêu cầu đó được lập. Nếu hợp đồng vay không quy định ngày hoàn trả và không đặt ra điều kiện theo đó việc trả nợ phụ thuộc vào việc phải có yêu cầu hoàn trả lập bởi bên cho vay hay đại diện của bên cho vay hay phụ thuộc vào bất cứ điều kiện nào khác thì thời hiệu khởi kiện sẽ được tính từ ngày mà yêu cầu hoàn trả khoản nợ bằng văn bản được lập bởi bên cho vay hay đại diện của bên cho vay<sup>3</sup>.

### Giải pháp nào?

Có thể thấy, trong khi các ngân hàng đang phải tăng cường nhân sự quản lý rủi ro và vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi đòi nợ bằng phương thức khởi kiện, quy định mới về thời hiệu của Bộ luật dân sự có nguy cơ sẽ gia tăng rủi ro không thu được nợ cho các ngân hàng do hết thời hiệu khởi kiện. Đây không phải là một tín hiệu tốt cho việc giải quyết nợ xấu trong bối cảnh hiện nay.

Khi thời hiệu khởi kiện bị rút ngắn, ngân hàng cần quản lý tốt hơn các khoản vay và khi phát hiện vi phạm của bên vay trong việc trả nợ thì phải có các phương án kịp thời, bao gồm cả việc khởi kiện, tránh tình trạng hết thời hiệu khởi kiện.

Bên cạnh đó, Điều 157, Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định thời hiệu khởi kiện có thể bắt đầu lại trong trường hợp bên vay đã thừa nhận nghĩa vụ trả

nợ hoặc đã thanh toán một phần khoản vay hoặc bên cho vay và bên vay đã tự hòa giải về việc thanh toán khoản nợ. Khi đó, thời hiệu khởi kiện sẽ bắt đầu lại kể từ ngày tiếp sau ngày xảy ra một trong số các sự kiện này. Ngân hàng có thể vận dụng quy định này để tránh tình trạng hết thời hiệu khởi kiện, đặc biệt là thông qua việc yêu cầu bên vay xác nhận nợ đối với mình hay thanh toán một phần (dù là rất nhỏ) khoản vay cho mình.

Hơn nữa, một trong các điểm mới của cả Bộ luật dân sự 2015 lẫn Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nằm ở chỗ Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án. Điều đó, có nghĩa là nếu bên vay hay bên bảo đảm không yêu cầu áp dụng thời hiệu để hưởng lợi từ việc ngân hàng hết thời hiệu khởi kiện thì Tòa án sẽ vẫn thụ lý và giải quyết tranh chấp<sup>4</sup>.

Tuy vậy, nếu nhìn xa hơn để bảo vệ tốt hơn ngân hàng trong việc đòi nợ, thiết nghĩ, Ngân hàng Nhà nước cần xem xét đề xuất sửa Luật các tổ chức tín dụng theo hướng tăng thời hiệu khởi kiện đối với các hợp đồng tín dụng cho cả dư nợ gốc và lãi cũng như đối với các khoản vay có bảo đảm. ■

<sup>1</sup> Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chỉ nêu lại một số nguyên tắc chung về thời hiệu đã được quy định trong Bộ luật dân sự 2015.

<sup>2</sup> Căn lưu ý Luật các tổ chức tín dụng hiện hành không đề cập tới vấn đề thời hiệu khởi kiện hợp đồng tín dụng.

<sup>3</sup> Xem thêm, Encyclopaedia of Banking Law, LexisNexis UK, 2016, paras 430-443.

<sup>4</sup> Căn lưu ý, theo quy định tại khoản 2, Điều 149, Bộ luật dân sự, người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.